Bảng 6.3: ĐƠN GIÁ NGÀY CÔNG CHUYÊN GIA TƯ VẤN XÂY DỰNG

| **Nhóm chuyên gia** | **Chuyên gia tư vấn xây dựng** | **Đơn giá/**  **ngày công** |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm I** | - Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.  - Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên | Không vượt quá 1.500.000 đồng/ngày công |
|  | ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.  - Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn. |  |
| **Nhóm II** | - Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.  - Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.  - Chủ trì một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn. | Không vượt quá 1.150.000 đồng/ngày công |
| **Nhóm III** | - Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.  - Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn. | Không vượt quá 770.000 đồng/ngày công |
| **Nhóm IV** | - Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.  - Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn. | Không vượt quá 580.000 đồng/ngày công |